

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 138-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 06/01/2020

Trang: 1/1

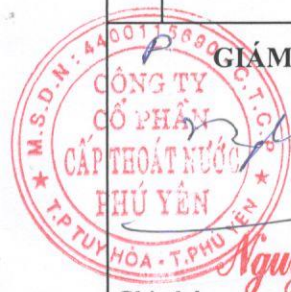
1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Công ty Bia Masan Brewery
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 227M₁01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 30/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,98
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,83
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,04
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12,8
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	29,82
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	2,0
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	100
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,75
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	9,4
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,33
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)

GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 139-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 06/01/2020

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Khu Tái định cư Núi Nhạn
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 228M₁01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 30/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,89
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,42
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,08
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	11,45
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	29,32
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	96
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,85
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,8
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,26
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)

GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Tân Thuận

Nguyễn Văn Bình

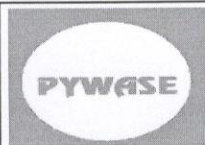
Võ Bá Duy Huân

- Ghi chú:
- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
 - LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
 - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 140-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 06/01/2020

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Khu Tái Định Cư Ninh Tĩnh
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 228M₂01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 30/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,88
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,18
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,08
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	10,78
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	28,81
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	90
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,85
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8,6
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,39
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

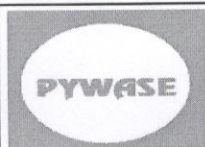
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 141-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 06/01/2020
 Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : 110 Nguyễn Huệ
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 228M₃01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 30/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,9
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,14
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,06
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	11,11
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	27,29
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	95
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,85
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8,0
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,39
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)

GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Tân Thuận
 Ghi chú:

Nguyễn Văn Bình
 Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân
 Võ Bá Duy Huân

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 142-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 06/01/2020

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể Chứa NMN Tuy Hòa
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
- Ký hiệu mẫu : 229B01/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 30/12/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,89
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,7
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,14
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	11,45
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	30,33
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	8,4
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	92
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,8
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8,0
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,52
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	0,5



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019